

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC

Bản án số: 07/2024/DS-ST

Ngày 24 tháng 7 năm 2024

“V/v tranh chấp kiện đòi tài sản”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mầu Văn Mùi

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Hằng và ông Lê Kim Trọng

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân huyện T đưa ra xét xử
công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 12/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 3
năm 2024 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 28/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương
sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Việt Q, sinh năm 1989; nơi thường trú: Thôn R, xã
T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Mạnh D, sinh năm 1976; nơi thường trú: Khu B, thôn
T, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Quang S, sinh năm 1987; địa chỉ: TDP Q, thị trấn H,
huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3.2. Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1990; địa chỉ: TDP Q, thị trấn H, huyện
L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị N: Anh Nguyễn Quang S, sinh năm
1987; địa chỉ: TDP Q, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Vũ Việt Q
trình bày:

Ngày 04/10/2016, anh Nguyễn Quang S có cho ông D vay số tiền
100.000.000đ, khi vay không thỏa thuận lãi suất và thỏa thuận thời hạn trả là 01
tháng. Khoản vay trên ông D được anh S, chị N cho vay tại nhà của anh chị.
Anh S là người trực tiếp giao tiền cho ông D và ông D là người viết giấy tờ vay

và ký vào bên người nhận tiền, anh S ký vào bên người cho vay và anh Vũ Quý S1 ký vào bên người làm chứng. Sau 01 tháng, đến hạn phải trả nhưng ông D vẫn chưa trả được khoản tiền vay nói trên cho anh S, chị N.

Ngày 23/7/2023, anh Nguyễn Quang S đã lập Biên bản chuyển giao quyền yêu cầu đòi số tiền 100.000.000đ theo giấy vay nợ ngày 04/10/2016 cho anh Vũ Viết Q và ngày 03/10/2023 anh Q có gửi giấy thông báo về việc chuyển giao quyền yêu cầu, kèm theo Biên bản chuyển giao quyền yêu cầu về việc đòi nợ và có yêu cầu ông D nhưng ông D vẫn không trả nợ cho anh. Ngày 15/01/2024, anh Q có gửi đơn khởi kiện cho anh D nhưng anh D từ chối nhận. Nay anh yêu cầu ông D phải trả cho anh số tiền là 100.000.000đ và không yêu cầu tiền lãi.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn là anh Trần Mạnh D trình bày:

Anh khẳng định có ký vào giấy vay tiền của anh Nguyễn Quang S với số tiền 100.000.000đ ngày 04/10/2016, lúc ký giấy có anh Vũ Quý S1 làm chứng, với nội dung vay trong giấy là vay 100.000.000đ thời hạn trả là 01 tháng, khi vay các bên không thỏa thuận lãi suất. Lý do anh ký vào giấy vay tiền nói trên là do anh quen biết anh S qua anh Trần Văn L, anh L có nhờ anh D chở anh L qua nhà anh S và anh S1 chơi. Tại nhà anh S1 (ở L, L, Vĩnh Phúc) anh D có ký vào 01 giấy vay nợ của anh S với số tiền là 100.000.000đ như đã trình bày ở trên, nhưng bản chất thực tế anh không được nhận bất kỳ một đồng tiền mặt nào từ anh S. Bởi vì do là do anh S1 nhờ người đem xe ô tô của anh về nhà anh S1. Sau đó, chị N vợ anh S yêu cầu anh ký vào giấy vay nợ trên, anh D khẳng định số tiền thể hiện trong giấy vay nợ nói trên là có lý do mục đích khác, không phải lý do anh vay số tiền nói trên để dùng cho gia đình anh hay cho cá nhân của anh.

Nay anh S, chị N chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ số tiền 100.000.000đ như trên anh xác định: Anh không đồng ý trả tiền vì anh cho rằng anh mới chỉ ký vào giấy vay tiền, chưa nhận được tiền từ anh S, chị N đưa và lý do anh ký vào giấy vay tiền nói trên không phải mục đích vay tiền là sử dụng vào mục đích cá nhân hay sử dụng cho gia đình anh mà là mục đích khác.

Nay anh Q nhận chuyển quyền đòi nợ số tiền 100.000.000đ tiền vay, anh xác định chưa nhận được tiền mặt do cho anh S, chị N đưa nên anh không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Quang S và Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Hồng N trình bày:

Anh chị thống nhất như trình bày của nguyên đơn về khoản vay là đúng. Khoản vay trên anh D đến nhà anh chị vay và anh S là người trực tiếp giao tiền cho anh D và anh D là người viết giấy tờ vay, khi giao tiền xong anh D ký vào giấy vay tiền và có người chứng kiến như trong giấy vay tiền. Đến hạn hết 01 tháng nhưng anh D vẫn chưa trả nợ và từ đó đến khi anh chị chuyển giao quyền yêu cầu cho anh Q, anh D vẫn chưa trả số tiền trên cho anh chị. Theo Biên bản chuyển giao quyền yêu cầu ngày 23/7/2023 của anh chị chuyển quyền yêu cầu

cho anh Q và đề nghị anh D trả số tiền nêu trên và không tính lãi cho anh Q như yêu cầu của anh Q.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc anh Trần Mạnh D trả cho anh Vũ Việt Quân số tiền 100.000.000đ. Án phí dân sự sơ thẩm đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Nguyễn Quang S và chị Lê Thị Hồng N có cho anh Trần Mạnh D vay tiền nên anh S, chị N có quyền yêu cầu anh D phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc chuyển giao quyền yêu cầu thanh toán cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào đủ năng lực hành vi dân sự bằng một thỏa thuận với người thế quyền mà không cần có sự đồng ý của anh D theo quy định tại Điều 365 Bộ luật dân sự.

Anh Vũ Việt Q là người được chuyển giao quyền yêu cầu đòi tài sản và có đơn yêu cầu đòi tài sản nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Bị đơn là anh Trần Mạnh D có nơi thường trú tại thôn T, xã B, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo theo khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Theo “Giấy vay tiền” ngày 04/10/2016, ký kết giữa anh Nguyễn Quang S và anh Trần Mạnh D thể hiện, anh S có cho anh D vay tiền 100.000.000đ, khi vay không thỏa thuận lãi suất và thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng. Anh S, anh D đều thừa nhận việc ký vào giấy vay tiền nêu trên. Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, cả nội dung và hình thức đều phù hợp với quy định của pháp luật, thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng dân sự quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực bắt buộc thực hiện giữa các bên tham gia.

[2.2] Anh S, chị N cùng xác định khoản tiền cho anh D vay là tài sản chung của vợ chồng. Anh Dũng xác định đây là khoản vay không liên quan đến gia đình anh nên xác định đây là giao dịch giữa anh S, chị N và anh D. Anh D1 cho

rằng anh chưa được nhận số tiền trên từ anh S, chị N. Tuy nhiên, khi ký kết Giấy vay tiền anh D1 là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện ký kết, không bị ai ép buộc. Ngoài ra anh D1 cho rằng việc ký giấy vay tiền là vì lý do khác nhưng anh D1 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh trong khi anh S, chị N không thừa nhận việc anh D1 chưa nhận số tiền 100.000.000đ từ vợ chồng anh S, chị N. Do đó, cần xác định anh D1 có vay của anh S, chị N số tiền 100.000.000đ là có căn cứ.

[2.3] Ngày 23/7/2023, anh S, chị N đã chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ số tiền nêu trên cho anh Vũ Viết Q theo quy định tại Điều 365 Bộ luật dân sự. Từ đó đến nay anh D1 chưa trả số tiền 100.000.000đ cho anh Q cũng như không xuất trình tài liệu chứng cứ về việc trả nợ số tiền trên cho anh Q. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q buộc anh D1 trả nợ số tiền 100.000.000đ cho anh Q là phù hợp. Anh Q không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của anh Q được chấp nhận nên anh Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Dũng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Áp dụng các Điều 164, 166, 357, 365, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Viết Q.

- Buộc anh Trần Mạnh D trả cho anh Vũ Viết Quân số tiền 100.000.000đồng.

[2] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

[4] Về án phí: Anh Vũ Viết Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Vũ Viết Quân số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001635 ngày 13/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đảo. Anh Trần Mạnh D phải chịu 5.000.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Mâu Văn Mùi